

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG****ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*

**Số 06-BC/TU***Lâm Đồng, ngày 03 tháng 11 năm 2020***BÁO CÁO****Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;  
mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025**

-----

***Phần thứ nhất*****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020****A. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, TRONG NƯỚC VÀ TRONG TỈNH**

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh:

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Kinh tế thế giới, khoa học công nghệ phát triển nhanh; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chiến tranh thương mại, xuất hiện nhiều dịch bệnh nguy hiểm tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội ổn định và chuyển biến tích cực. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, một số vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường gây bức xúc...chậm được khắc phục; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã tác động không nhỏ đến kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả tích cực, sự đoàn kết, thống nhất tiếp tục được phát huy. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao. Bên cạnh đó, một số lực lượng phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, mâu thuẫn xã hội, kích động tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, gây rối trật tự công cộng tại địa phương.

**B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC****I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016 - 2020 THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X**

Kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên theo hướng bền vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt khá cao, bình quân

5 năm 2016 - 2020 tăng 8,0%<sup>1</sup>. Trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 5,0%, khu vực công nghiệp xây dựng tăng 7,6%, khu vực dịch vụ tăng 11,2%.

Quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động tăng rõ nét, đạt 112,2 triệu đồng/lao động/năm, tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, từ 46 triệu đồng năm 2015 lên 71 triệu đồng năm 2020, đạt mục tiêu đề ra và cao hơn bình quân chung cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng dịch vụ tăng từ 33,1% năm 2015 lên 40,4% năm 2020; nông, lâm, thủy sản giảm từ 49,4% năm 2015 xuống còn 40,3% năm 2020; công nghiệp - xây dựng tăng từ 17,5% năm 2015 lên 19,3% năm 2020<sup>(2)</sup>.

Toàn tỉnh thực hiện đạt và vượt 17/17 chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X (*các chỉ tiêu cụ thể theo biểu 01 đính kèm*).

## **II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ**

### **1. Về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới**

#### **1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp gấp 1,3 lần so với 2015; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5%. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đạt 180 triệu đồng/ha, tăng 33,6 triệu đồng/ha so với năm 2015 (*NQ 180 triệu đồng/ha*); tiếp tục khẳng định thế mạnh của địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có 10 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao và 165 chuỗi liên kết với 200 doanh nghiệp, hợp tác xã và 17.000 hộ dân.

*a) Trồng trọt:* Phát triển tương đối toàn diện, trình độ canh tác phát triển vượt bậc; chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là cây trồng chủ lực; năng suất, chất lượng nông sản ngày càng nâng cao và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tổng diện tích gieo trồng 383.960 ha<sup>(3)</sup>, tăng 11,7% so với năm 2015; diện tích cây trồng được tưới 167.000 ha, bằng 65% diện tích cần tưới, tăng 6,5% so với năm 2015; chuyển đổi 13.000 ha cây trồng, tái canh cải tạo trên 69.000 ha cà phê; năng suất, giá trị sản phẩm cây trồng tăng 25 - 30%, lợi nhuận đạt trên 30% doanh thu.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông

<sup>1</sup> Dự báo năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid 19, tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 6,73-6,83%

<sup>2</sup> Cơ cấu kinh tế năm 2020: nông, lâm, thủy sản: 40,3%; công nghiệp xây dựng: 19,3%; dịch vụ 40,4% (NQ: 46-46,5; 19,5-20; 33,5-34).

<sup>3</sup> Diện tích đất nông nghiệp là 367.404 ha, trong đó diện tích đất trồng cây hàng năm 63.357ha, đất trồng cây lâu năm là 304.047ha. Diện tích canh tác năm 2020 khoảng 300.000 ha.

ng nghiệp hữu cơ có bước phát triển mạnh. Diện tích sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt 60.200 ha<sup>4)</sup>, chiếm 20% diện tích đất canh tác, tăng 16.996 ha so với năm 2015; nhiều mô hình sản xuất mới ứng dụng công nghệ cao được hình thành; sản xuất theo chuỗi, liên kết, hợp tác sản xuất ngày càng đa dạng về hình thức, mở rộng đối tượng tham gia, đem lại hiệu quả tích cực; hình thành 07 vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Phối hợp chặt chẽ với tổ chức JICA (*Nhật Bản*) xây dựng và triển khai thực hiện Dự án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp; xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu “*Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành*” đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông,...góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

b) *Chăn nuôi, thủy sản* tiếp tục phát triển khá, chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng con giống và sản phẩm chăn nuôi; phát triển chăn nuôi tập trung gắn với an toàn sinh học, chuyên môn hóa trong chăm sóc, quản lý dịch bệnh; tỷ lệ giống lai, giống ngoại chiếm trên 95% tổng đàn lợn, trên 75% tổng đàn bò. Năm 2020, quy mô đàn bò đạt 115.800 con, tăng 35,5% so với năm 2015; trong đó, đàn bò sữa 23.400 con, tăng 36%; đàn gia cầm 8,2 triệu con, tăng 83,6%; đàn lợn 416.500 con, tăng 9,2%. Nghề trồng dâu nuôi tằm được khôi phục và phát triển mạnh với trên 7.000 ha, sản lượng kén tằm đạt 11.500 tấn, tăng 7.300 tấn so với năm 2015; cá nước lạnh sản lượng đạt khoảng 1.000 tấn, tăng 28%.

#### c) *Về lâm nghiệp:*

Phê duyệt quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; chuyển đổi phương thức quản lý bảo vệ rừng theo đơn đặt hàng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng<sup>5)</sup>; hoàn thành tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của 8 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh.

Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng; phát triển và khôi phục rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán đạt được kết quả tích cực. Trong 5 năm, trồng hơn 11.544 ha rừng và 1,47 triệu cây phân tán, trồng xen cây lâm nghiệp trên 2.655 ha; giao khoán quản lý bảo vệ 434.053 ha rừng, chiếm tỷ lệ 80,8% diện tích rừng hiện có; giải tỏa được 1.200 ha đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, trồng lại rừng sau giải tỏa 879 ha, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 52,5% năm 2015 lên 55% năm 2020.

#### d) *Mô hình liên kết bốn nhà (Nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và nhà*

<sup>4)</sup> Trong đó: cây rau 24.300 ha; hoa các loại 2.927 ha; chè 6.583 ha; cây dược liệu 157 ha; cây ăn quả 300 ha; lúa chất lượng cao 3.827 ha; cà phê 21.945 ha và cây trồng khác 161 ha. Diện tích ứng dụng nhà kính 4.205 ha; nhà lưới 2.445 ha; diện tích ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm đạt 38.500 ha.

<sup>5)</sup> Hiện có 86,7% diện tích giao khoán quản lý bảo vệ rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng với đơn giá trung bình cao gấp 2 lần đơn giá khoán từ ngân sách tỉnh.

*doanh nghiệp*) được triển khai thực hiện có hiệu quả, hỗ trợ nông dân liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản. Trong thời gian qua, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp của tỉnh, đi đầu trong việc ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất. Quá trình chuyển giao khoa học công nghệ diễn ra mạnh mẽ, những công nghệ mới được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, phân loại và sơ chế nông sản.

đ) *Môi trường đầu tư, kinh doanh* được cải thiện, các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, gia nhập thị trường, tiếp cận chính sách hỗ trợ được rà soát, rút ngắn thời gian; công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai hiệu quả.

## **1.2. Xây dựng nông thôn mới**

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và có sức lan tỏa mạnh mẽ; đa số người dân đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia, đạt nhiều kết quả. Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư tương đối đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng lên, văn hóa và môi trường nông thôn chuyển biến tích cực.

Năm 2020, toàn tỉnh có 104/111 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*tăng 62 xã so với năm 2015*)<sup>(6)</sup>, chiếm tỷ lệ 94% tổng số xã; 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*Đơn Dương, Đức Trọng, Đa Tề, Cát Tiên*); thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Đơn Dương đang triển khai xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, hoàn thành mục tiêu đề ra<sup>(7)</sup>.

## **2. Công nghiệp - xây dựng**

### **2.1. Về phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp**

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp (*theo giá so sánh 2010*) năm 2020 gấp 1,6 lần so với năm 2015; tốc độ tăng bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 6,7%. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng khoảng 73,7% ngành công nghiệp, tiếp tục đóng vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng, tăng bình quân 12%/năm; sản xuất và phân phối điện tăng 6,84%/năm, đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng; ngành cung cấp nước và thu gom xử lý rác thải, nước thải tăng 6,66%/năm; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 10,8%/năm.

Toàn tỉnh có 11.800 cơ sở sản xuất công nghiệp; 02 khu công nghiệp và 06 cụm công nghiệp thu hút 99 dự án (*trong đó, có 21 dự án FDI*) với tổng vốn đăng ký đầu tư là 5.985 tỷ đồng và 91,57 triệu USD; tỷ lệ lấp đầy Khu công

<sup>6)</sup> Năm 2019 thực hiện sát nhập 05 xã trên địa bàn các huyện Đa Huoai, Đa Tề, Cát Tiên theo Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<sup>7)</sup> Theo tiêu chí tại Quyết định số 491/QĐ-TTg, huyện đạt chuẩn nông thôn mới có 70% số xã đạt 19/19 tiêu chí.

nghiệp Lộc Sơn là 80%, Phú Hội là 100%, các cụm công nghiệp là 52%. Phát triển thêm một số sản phẩm mới: Nhà máy Bia Sài Gòn - Lâm Đồng công suất 100 triệu lít/năm, đóng góp ngân sách khoảng 1.000 tỷ đồng/năm; đầu tư nhà máy sợi len lông cừu khoảng 1.000 tỷ đồng, công suất 4.000 tấn/năm, xuất khẩu 50% sản lượng; tổ hợp Bô xít Nhôm hoạt động vượt công suất thiết kế<sup>(8)</sup>; Nhà máy sản xuất Dược phẩm Nanogen tiêu chuẩn Châu Âu, công suất thiết kế 332 triệu sản phẩm/năm;...

Thủy điện tiếp tục phát triển theo quy hoạch, năm 2020 có 33 nhà máy thủy điện hoạt động, tổng công suất lắp đặt 2.084,3 MW; tăng 15 nhà máy, 316,3 MW<sup>(9)</sup> so với năm 2015. Tiểu thủ công nghiệp phát triển và đồng hành với du lịch, xây dựng nông thôn mới; ngành chế biến tơ tằm được khôi phục và phát triển tốt; các mặt hàng tơ xe, lụa tơ tằm, sản phẩm may, len có sự tăng trưởng; sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống tiếp tục được duy trì phát triển. Chương trình khuyến công phát huy hiệu quả tích cực thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và tăng sức cạnh tranh.

## **2.2. Về xây dựng**

Tốc độ tăng bình quân giá trị tăng thêm ngành xây dựng trong 5 năm 2016 - 2020 đạt 9,4%. Hạ tầng đô thị được đầu tư nâng cấp, nhất là hạ tầng đường giao thông, chiếu sáng, cấp, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải; tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 71%, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 95%. Toàn tỉnh có 15 đô thị; trong đó, có 01 đô thị loại 1 (*thành phố Đà Lạt*), 01 đô thị loại 3 (*thành phố Bảo Lộc*), 01 đô thị loại 4 (*thị trấn Liên Nghĩa*), 12 đô thị loại 5. Các địa phương đang tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo đảm các tiêu chí đô thị theo quy định.

## **3. Thương mại dịch vụ và du lịch**

### **3.1. Thương mại và xuất nhập khẩu**

Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng và sản xuất. Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ có bước phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn tăng 12,5%/năm (*NQ tăng 15%*).

Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3.170 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 14% (*NQ 14 - 15%*). Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh như Alumin và hydroxit, cà phê, tơ xe, lụa tơ tằm, sản phẩm dệt may, chè, rau, hoa, hạt điều có sự tăng trưởng cả về lượng và giá trị; đến nay đã xuất khẩu đến 40 nước, thị trường xuất khẩu chính là Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ.

<sup>8)</sup> Năm 2019 đạt sản lượng 680.000 tấn, công suất thiết kế 650.000 tấn/năm.

<sup>9)</sup> Giai đoạn 2016-2020 có 11 dự án thủy điện được quyết định chủ trương đầu tư, xây dựng hoàn thành đi vào hoạt động, tổng công suất lắp đặt 112,3 MW.

### 3.2. Về du lịch

Du lịch tiếp tục phát triển theo định hướng trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh, đóng góp nhiều vào phát triển kinh tế - xã hội. Lượng khách du lịch tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,9%/năm (*NQ 8 - 10%*); riêng năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, lượng khách du lịch còn 3,6 triệu lượt khách; khách qua lưu trú tăng bình quân 12,5% giai đoạn 2016 - 2019; khách quốc tế chiếm 7,4% tổng lượng khách trong giai đoạn 2016 - 2019 (*NQ 10 - 12%*) và chiếm khoảng 4% năm 2020.

Đồng thời, việc phát triển du lịch sinh thái gắn với rừng được triển khai từng bước, vừa đảm bảo mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng bền vững, phù hợp với quy định của pháp luật về lâm nghiệp, vừa ổn định, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực dân cư khó khăn; góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, mở rộng các tour, tuyến; tăng cường liên kết hợp tác phát triển du lịch với các trung tâm du lịch trong nước (*Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Vinh, Khánh Hòa*) và ngoài nước (*Bangkok - Thái Lan, Kuala Lumpur - Malaysia, Singapore, Incheon và Muan - Hàn Quốc; Vũ Hán, Thiên Tân - Trung Quốc*).

Cơ sở hạ tầng ngành du lịch được đầu tư tăng cả về số lượng và chất lượng<sup>10)</sup>; các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mới: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch hội nghị, hội thảo, du lịch mạo hiểm, du lịch canh nông, du lịch di sản văn hóa... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

## 4. Về giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

### 4.1. Về giao thông vận tải

Hệ thống giao thông (*gồm đường bộ và hàng không*) tiếp tục phát triển, tăng cường tính kết nối với mạng lưới giao thông trong khu vực. Các tuyến Quốc lộ 20 (*đoạn Bảo Lộc - Đà Lạt*), QL.27 (*đoạn tránh Liên Khương*), đường tỉnh ĐT.721, 724, 725, đường vành đai, đường đô thị, huyện, xã và giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư. Đường hàng không tiếp tục phát triển, mở mới các đường bay kết nối với các tỉnh trong nước và quốc tế; tần suất khai thác 28-30 chuyến/ngày; vận tải hành khách tăng bình quân 30%/năm, vận tải hàng hóa tăng 32%/năm. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp để đầu tư nâng cấp bến xe, bãi đậu xe, phương tiện vận tải, đáp ứng được nhu cầu đi lại, lưu thông hàng

<sup>10)</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 35 khu, điểm tham quan du lịch được đầu tư và khai thác kinh doanh cùng với hơn 60 điểm tham quan miễn phí khác (các danh thắng tự nhiên, các công trình kiến trúc, cơ sở tôn giáo, làng nghề, làng dân tộc bản địa, khảo cổ...) và 33 điểm du lịch canh nông phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của du khách tạo nên sự đa dạng, phong phú để xây dựng các tour, tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh. Có 2.250 cơ sở lưu trú du lịch (gấp 2,4 lần năm 2015), với tổng số 25.617 phòng (gấp 1,7 lần so với 2015); trong đó, có 480 khách sạn từ 1-5 sao (tăng 175 khách sạn) với 12.642 phòng (gấp 1,5 lần), 445 khách sạn từ 1-2 sao với 9.146 phòng, 35 khách sạn cao cấp từ 3-5 sao với 3.496 phòng (gấp 1,5 lần so với 2015).

hoá, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh và quốc phòng của địa phương.

Dịch vụ vận tải phát triển nhanh, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2020 gấp 1,5 lần so với năm 2015; tốc độ tăng bình quân hàng năm 9,22%. Vận tải hành khách năm 2020 tăng gấp 1,4 lần; vận tải hàng hóa năm 2020 gấp 1,55 lần so với năm 2015.

#### **4.2. Bưu chính, viễn thông**

Hạ tầng viễn thông được chú trọng đầu tư có độ bao phủ rộng khắp, bảo đảm chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển; mật độ thuê bao điện thoại đạt 113 máy/100 dân, có 1.532 trạm phát sóng thông tin di động BTS, tăng 82 trạm; phủ sóng thông tin di động đến 100% khu dân cư; thuê bao internet tăng 273% so với 2015.

Mạng lưới bưu chính mở rộng đến xã, phường, thị trấn; tham gia tích cực, có hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, phục vụ công tác cải cách hành chính của tỉnh; thực hiện uỷ thác thu thuế cho hơn 27.000 hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn, tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

### **5. Về tài chính, ngân hàng**

#### **5.1. Tài chính**

Tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm đạt 35.689 tỷ đồng, tỷ lệ huy động vào GRDP đạt 9,1%; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn đạt 13%/năm (*NQ 10 - 12%*); trong đó, thu từ thuế, phí 22.116 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61,2% tổng thu ngân sách, bằng 6,2% GRDP, tốc độ tăng thu thuế, phí bình quân đạt 12%/năm (*NQ 12 - 14%*); tỷ trọng thu nội địa chiếm 86% trong tổng thu ngân sách nhà nước.

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 đạt 51.929 tỷ đồng; tốc độ tăng chi bình quân 7,7%/năm; trong đó, chi thường xuyên, dự phòng, chi trả nợ chiếm 75,5%; chi đầu tư phát triển chiếm 24,5% tổng chi ngân sách 5 năm. Kỷ luật kỷ cương tài chính ngân sách được tăng cường, hiệu quả sử dụng ngân sách được nâng cao; cơ cấu chi ngân sách chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển<sup>11)</sup>. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí được triển khai đồng bộ hiệu quả cả trong các đơn vị hành chính quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện thoái vốn nhà nước, sắp xếp lại các công ty nhà nước theo đúng quy định và tiến độ phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp được quan tâm chỉ đạo, đạt kết quả.

<sup>11)</sup> Tỷ trọng chi đầu tư phát triển năm 2016 là 19,7% tăng lên 26% năm 2020; giai đoạn 2016 - 2020 chiếm 24,5%.

## **5.2. Ngân hàng**

Tổng nguồn vốn huy động năm 2020 đạt 63.000 tỷ đồng, tăng 33.000 tỷ đồng, tăng 108,7% so với 2015; trong đó, tiền gửi dân cư 47.250 tỷ đồng, chiếm 75%, tiền gửi tổ chức kinh tế và tiền gửi khác chiếm 25% nguồn vốn huy động trên toàn địa bàn.

Tổng dư nợ năm 2020 đạt 113.000 tỷ đồng, tăng 70.000 tỷ đồng, tăng 165% so với năm 2015; dư nợ ngắn hạn 74.580 tỷ đồng, chiếm 66% tổng dư nợ; dư nợ trung và dài hạn 38.420 tỷ đồng, chiếm 34% tổng dư nợ. Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế: nông nghiệp chiếm 43%, công nghiệp - xây dựng chiếm 7%, thương mại dịch vụ chiếm 50%. Tổng nợ xấu 700 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng dư nợ.

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu theo quy định của Chính phủ; đẩy mạnh thực hiện các chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; công khai minh bạch chính sách tín dụng, gói hỗ trợ, lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận thuận lợi, bình đẳng; cải tiến, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay.

## **6. Lĩnh vực quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư**

### **6.1. Công tác quy hoạch**

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thực hiện có hiệu quả, bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Chất lượng các quy hoạch được nâng cao, khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của địa phương, theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xu thế phát triển chung của đất nước, nâng cao hiệu quả liên kết vùng. Triển khai lập quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát bãi bỏ 28 quy hoạch sản phẩm hàng hóa, sản phẩm cụ thể theo quy định của Luật Quy hoạch.

Một số quy hoạch lớn đã được lập và phê duyệt: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng, Quy hoạch tổng thể Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm, Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đankia - Suối Vàng, Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm Hoà Bình, thành phố Đà Lạt; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng... Các quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được triển khai đồng bộ, bảo đảm sự thống nhất với các quy hoạch đã được Trung ương phê duyệt; tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 70%.

Việc tổ chức thực hiện, quản lý theo quy hoạch được các cấp, các ngành và địa phương tập trung triển khai; hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội được nâng cao; đảm bảo sự phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương phù hợp và đồng bộ với định hướng chung của tỉnh.



## 6.2. Về đầu tư và thu hút đầu tư

### a) Về đầu tư kết cấu hạ tầng:

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh uỷ về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm, bức xúc. Hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại được mở rộng; công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương nội đồng được kiên cố hóa; hạ tầng đô thị phát triển đồng bộ; hạ tầng năng lượng phát triển nhanh đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiêu dùng; các khu, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư; công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng của nhà nước và xã hội; cơ sở vật chất, trang thiết bị lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng hoàn thiện. Bước đầu đã huy động được nguồn lực xã hội ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Các công trình trọng điểm được tập trung chỉ đạo thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn về cơ chế, thủ tục; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong triển khai dự án và tìm kiếm nhà đầu tư có tiềm lực để thực hiện các dự án theo quy định. Đến nay có 03 dự án<sup>(12)</sup> đang triển khai xây dựng; 04 dự án<sup>(13)</sup> đang hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư triển khai xây dựng; 02 dự án<sup>(14)</sup> tiếp tục kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét về nguồn vốn đầu tư; 02 dự án tiếp tục xúc tiến tìm kiếm nhà đầu tư<sup>(15)</sup>; 01 dự án đang tiến hành rà soát, xử lý sau khi có kết luận của các Bộ, ngành Trung ương<sup>(16)</sup>.

### b) Thu hút đầu tư:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn trong quá trình hoạt động; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận; Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; ban hành quyết định hướng dẫn về trình tự, thủ tục, quản lý dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; qua đó, tạo chuyển biến trong quá trình thu hút và xúc tiến đầu tư, mời gọi được một số nhà đầu tư lớn, có tiềm lực<sup>(17)</sup> nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch, đề xuất các dự án đầu tư quy mô lớn trong một số lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch, quản lý đô thị; đồng thời, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được phê duyệt.

<sup>12)</sup> Hồ Đa Sĩ, Trung tâm văn hóa thể thao, Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm.

<sup>13)</sup> Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng, Khu trung tâm Hòa Bình, Dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp rộng hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc và Hồ Đông Thanh.

<sup>14)</sup> Hồ Kazam; Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương.

<sup>15)</sup> Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú, Khu công nghệ thông tin tập trung.

<sup>16)</sup> Dự án Khu đô thị thương mại, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đại Ninh.

<sup>17)</sup> Chấp thuận chủ trương cho một số đơn vị: Tập đoàn FLC, Tập đoàn Ecopark, Tập đoàn Tân Hiệp Phát, Tập đoàn Hưng Thịnh, ... lập quy hoạch, thực hiện dự án tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, huyện Đức Trọng, Di Linh với mục tiêu đầu tư chủ yếu là khu đô thị, khu du lịch và một số sản phẩm cao cấp khác...

Trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh thu hút được 214 dự án đầu tư, vốn đăng ký 16.352 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 130 nghìn tỷ đồng, theo đó, vốn của khu vực tư nhân chiếm khoảng 75%; tập trung vào một số lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch dịch vụ. Một số dự án lớn, lĩnh vực mới như: sản xuất dược phẩm Nanogel, sản xuất bia, sản xuất sợi len lông cừu, sản xuất giống rau, hoa áp dụng công nghệ cao, thủy điện... đi vào hoạt động góp phần đa dạng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm tại địa phương. Các dự án đầu tư đã hướng đến việc áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường.

Công tác thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, thu hút nguồn vốn FDI đạt được những kết quả nhất định. Theo đó, đối với nguồn vốn ODA, tỉnh Lâm Đồng đã thu hút được một số chương trình, dự án của các nhà tài trợ như JICA, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á.. trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường và nông nghiệp; qua đó, góp phần tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực quản lý điều hành, góp phần giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống người dân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội<sup>(18)</sup>. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư từ nguồn vốn FDI (*chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp*) đã góp phần quan trọng trong việc hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh nông sản chủ lực của tỉnh.

Lũy kế đến năm 2020, toàn tỉnh có 988 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 130.282 tỷ đồng; trong đó, có 630 dự án hoàn thành đi vào hoạt động, 226 dự án đang triển khai xây dựng, 132 dự án thực hiện thủ tục. Việc triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu, giải quyết việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước.

### **6.3. Đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 5 năm qua, tổng các nguồn vốn đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 3.700 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp 1.900 tỷ đồng<sup>(19)</sup>, chiếm 51,4%; vốn huy động của các doanh nghiệp,

<sup>18</sup> Xây dựng 113 km đường giao thông, cung cấp nước sạch cho 12.800 hộ dân; diện tích tưới tăng thêm 9.506 ha, hoàn thành 1.391m<sup>2</sup> nhà kho, 3.400 m<sup>2</sup> sân phơi, 8 nhà quản lý (715 m<sup>2</sup>); Hoàn thành 9 phòng khám đa khoa khu vực; cải tạo nâng cấp 2 Trung tâm Y tế cấp huyện (Lâm Hà, Đạ Huoai); hoàn chỉnh hệ thống xử lý chất thải của Bệnh viện II Lâm Đồng; đầu tư xây dựng 49 phòng học, xây dựng 03 trường đạt chuẩn quốc gia; nâng công suất nhà máy xử lý nước thải thành phố Đà Lạt từ 7.400-12.400 m<sup>3</sup>/ngày.

<sup>19</sup> Trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 586 tỷ đồng, xây dựng Nông thôn mới: 1.145 tỷ đồng; Chương trình bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết theo quyết định 193/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 120 tỷ đồng (NSDP: 70 tỷ đồng; NSTW 50 tỷ đồng); Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (năm 2016): 15,46 tỷ đồng; Chương trình kiên cố hóa trường lớp học 77,3 tỷ đồng.

cộng đồng dân cư và các nguồn vốn khác chiếm 48,6%. Thu hút 115 dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổng vốn đăng ký 5.800 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, nước, cơ sở y tế, trường học được đầu tư khá đồng bộ, các chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, bảo hiểm y tế, tín dụng, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ tiền điện,... được thực hiện kịp thời, đầy đủ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy<sup>(20)</sup>.

Sản xuất nông, lâm nghiệp có bước tiến mới, một số nơi đã sản xuất hàng hóa bằng phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi; nhiều mô hình trồng trọt, sản xuất nông nghiệp được áp dụng, các mô hình kinh tế hợp tác, hộ gia đình, trang trại vùng đồng bào dân tộc từng bước được định hình, phát triển.

## **7. Quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản**

### **7.1. Quản lý đất đai**

Tiếp tục thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt; triển khai xây dựng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016 -2020 làm cơ sở để các địa phương triển khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm; nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai có nhiều chuyển biến tích cực; thường xuyên rà soát, kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai; từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho việc triển khai các chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai công tác đo đạc bản đồ địa chính các loại trên địa bàn, hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính; đến nay đã hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu về đất đai của thành phố Đà Lạt và các huyện Di Linh, Đức Trọng, Bảo Lâm. Tổng diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu khoảng 260.720 ha, đạt tỷ lệ 94,5%.

### **7.2. Quản lý tài nguyên khoáng sản**

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản được quan tâm thực hiện, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên khoáng sản theo quy định; việc cấp phép, quản lý hoạt động các dự án khai thác, thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản, quy định của Trung ương và địa phương.

<sup>20)</sup> 100% số xã khu vực 3, xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm; hơn 95% số thôn có đường giao thông đi lại được cả 2 mùa; 50% đường nội đồng, đường vào khu sản xuất được cứng hóa; 100% số thôn dùng được điện lưới quốc gia; 100% thôn có y tế thôn bản; 100% số xã có đài phát thanh, 100% số xã phủ sóng truyền hình; 100% trẻ mẫu giáo con hộ nghèo, cận nghèo được miễn học phí, 100% đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế,...

## **8. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể**

### **8.1. Phát triển doanh nghiệp**

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp theo Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cải thiện, các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, gia nhập thị trường, tiếp cận chính sách hỗ trợ,... được rà soát, rút ngắn thời gian thực hiện theo quy định.

Doanh nghiệp thành lập tăng cả về số lượng và vốn đăng ký, bình quân mỗi năm có hơn 1.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; dự kiến đến cuối năm 2020, tổng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế của tỉnh đạt khoảng 10.000 doanh nghiệp, gấp 1,7 lần số doanh nghiệp năm 2015; số vốn bình quân một doanh nghiệp đăng ký giai đoạn 2016 - 2020 là 7,8 tỷ đồng, gấp 1,7 lần giai đoạn trước.

### **8.2. Phát triển kinh tế tập thể**

Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển, số lượng hợp tác xã thành lập mới, thành viên hợp tác xã tăng qua các năm. Toàn tỉnh có 05 Liên hiệp hợp tác xã, 400 hợp tác xã với trên 63.000 thành viên (*trong đó, có 320 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với 7.540 thành viên*), tăng 203 hợp tác xã so với năm 2015; tổng vốn điều lệ khoảng 660 tỷ đồng; doanh thu bình quân khoảng 12,1 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 224 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 79 triệu đồng/năm.

Đến nay, toàn tỉnh có 360 tổ hợp tác với 7.547 tổ viên, chủ yếu trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, hoạt động theo phương thức cùng nhau sản xuất một chủng loại sản phẩm, cùng tìm doanh nghiệp để tiêu thụ nông sản; hỗ trợ giúp nhau vay vốn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Toàn tỉnh có 1.000 trang trại; trong đó, có 230 trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

## **III. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI**

### **1. Về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

#### **1.1. Về giáo dục, đào tạo**

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp<sup>(21)</sup> phân bố rộng khắp, bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng<sup>(22)</sup>, đáp ứng yêu cầu về chất lượng; tỷ lệ giáo viên (*mầm non, phổ thông*) đạt chuẩn 99,38%, trên chuẩn 61,35%.

<sup>21)</sup> Toàn tỉnh có 711 trường, tổng số học sinh là 329.990 học sinh: mầm non 233 trường, tiểu học 250 trường, THCS 159 trường, THPT 57 trường; 01 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên cấp huyện, thành phố. Số học sinh mầm non: 69.072 trẻ; phổ thông: 259.572 học sinh; giáo dục thường xuyên 1.346 học viên.

<sup>22)</sup> Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 23.285 người, trong đó cán bộ quản lý 1.594 người; giáo viên: 18.143 người; nhân viên: 3.548 người.

Cơ sở vật chất trường, lớp học và trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng đạt chuẩn; không còn các phòng học tạm, bán kiên cố; hệ thống trường mầm non tại các xã được đầu tư hoàn chỉnh; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia tăng mạnh, từ 38,1% năm 2015 tăng lên 80,57% năm 2020.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục chuyển biến rõ nét; công tác phổ cập giáo dục được giữ vững và nâng cao chất lượng<sup>23)</sup>. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tiếp tục được quan tâm, đạt giải cao tại các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; cuộc thi Olympic Vật lý tại Pháp, cuộc thi ISEF tại Hoa Kỳ.

Giáo dục vùng đồng bào dân tộc được quan tâm, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Có 8,7% học sinh người dân tộc thiểu số cấp trung học được học trường phổ thông dân tộc nội trú (2.516/28.965 học sinh).

## **1.2. Về phát triển nguồn nhân lực**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025; ký kết chương trình hợp tác, nghiên cứu khoa học với các viện nghiên cứu và trường đại học uy tín để đào tạo phát triển nguồn nhân lực; trong đó, chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao. Tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ năm 2016 đến nay, đã đào tạo sau đại học 662 người, đại học 1.257 người, lý luận chính trị 7.380 người; quản lý nhà nước 4.259 người, ngoại ngữ và tin học 1.007 người; mở gần 400 lớp bồi dưỡng về chuyên môn theo yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng theo chức danh lãnh đạo quản lý, kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp, đạo đức công vụ cho 21.241 lượt cán bộ, công chức.

## **2. Khoa học và công nghệ**

Khoa học và công nghệ bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã xác định các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao vào thực tiễn sản xuất. Giai đoạn 2016 - 2020 nghiên cứu thực hiện 36 đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước; chuyển giao ứng dụng cho cơ quan quản lý nhà nước 16 đề tài các cấp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng năng suất, chất lượng; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ đăng ký và được cấp 21 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh. Khoa học và công nghệ đóng góp vào năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) cao hơn bình quân chung của cả

<sup>23)</sup> Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đối với 147/147 đơn vị cấp xã; có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 91,7%, có 01 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt tỷ lệ 8,3%; có 02/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, tỷ lệ 16,7%, 10/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, tỷ lệ 83,3%.

nước. Các chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp được quan tâm thực hiện. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường; đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển.

### 3. Về y tế, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

Hệ thống y tế được sắp xếp, tinh gọn<sup>(24)</sup>, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư; đưa vào sử dụng Bệnh viện Nhi Lâm Đồng, Bệnh viện II Lâm Đồng, Khoa Ung bướu, Khoa Can thiệp tim mạch, lọc máu và chẩn đoán hình ảnh thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; hệ thống y tế cơ sở được đầu tư đồng bộ. Đến năm 2020, có 7,9 bác sỹ/vạn dân, 23 giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 98,6%.

Công tác cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực; đội ngũ bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng và cán bộ ngành y tăng về số lượng và chất lượng<sup>(25)</sup>; triển khai thành công nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, tình trạng chuyển tuyến giảm. Quản lý chất lượng bệnh viện được chú trọng, tinh thần thái độ phục vụ đội ngũ bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng chuyển biến tích cực, tỷ lệ hài lòng của người bệnh tăng.

Y tế dự phòng, phòng chống các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm được triển khai thường xuyên, hiệu quả, kịp thời không chế và hạn chế số người mắc, tử vong do dịch bệnh. Thực hiện tốt chỉ tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình, quy mô dân số năm 2020 đạt 1,31 triệu người, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,02% so với năm 2019. Chăm sóc sức khỏe sinh sản được chú trọng, duy trì tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em đạt trên 95%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2020 giảm còn 11,8%. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phục hồi chức năng cho người khuyết tật được thực hiện đồng bộ, rộng khắp trong toàn tỉnh.

Công tác quản lý dược được quan tâm, bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ phòng bệnh, chữa bệnh. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 70% năm 2015 lên 90% năm 2020, vượt chỉ tiêu Nghị quyết (NQ 80%).

Công tác xã hội hóa về y tế đạt nhiều kết quả tích cực, toàn tỉnh có 517 cơ sở y tế tư nhân, tăng 211 cơ sở, 888 cơ sở bán lẻ thuốc, tăng 178 cơ sở so với năm 2015.

### 4. Văn hóa, thể dục thể thao

Toàn tỉnh đã triển khai thực hiện việc lồng ghép phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” với Cuộc vận động “Toàn

<sup>24)</sup> Toàn tỉnh có 24 đơn vị, giảm 17 đơn vị so với năm 2015, trong đó 12 đơn vị tuyến tỉnh (03 đơn vị hành chính, 09 đơn vị sự nghiệp) và 12 Trung tâm y tế huyện, thành phố; có 23 phòng khám đa khoa; 147 trạm y tế xã, phường.

<sup>25)</sup> Năm 2020 đạt 0,9 dược sỹ/vạn dân; 84% trạm y tế xã phường có bác sỹ, 100% thôn bản có nhân viên y tế.

*dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* và đạt nhiều kết quả; văn hóa du lịch, văn hóa công sở, văn hóa gia đình được chú trọng thực hiện. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 90%; tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 95%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 90%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 87,5%; cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 98%.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật, văn hóa quần chúng đổi mới về nội dung và hình thức hoạt động. Các sự kiện văn hóa, hoạt động thông tin tuyên truyền, biểu diễn nghệ thuật phục vụ các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị được chú trọng thực hiện, tổ chức thành công các kỳ Festival Hoa Đà Lạt, Đà Lạt 125 năm hình thành và phát triển, Tuần lễ Văn hóa Trà và Tơ lụa Lâm Đồng và nhiều sự kiện văn hoá khác. Đầu tư, tôn tạo nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ, phát huy; các hủ tục, tập quán lạc hậu được xóa bỏ, thực hiện lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư; 100% huyện có nhà văn hóa và thư viện đạt chuẩn; 92,5% xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa; 79,6% thôn, buôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; phần lớn các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn hoạt động hiệu quả.

Hoạt động thể dục, thể thao thành tích cao có bước phát triển; phong trào thể dục, thể thao quần chúng được mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cơ sở phục vụ luyện tập thể dục, thể thao tiếp tục được cải thiện. Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên năm 2020 đạt 40%; số gia đình thể thao đạt 32%; có 1.135 câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở. Tổ chức thành công các giải thể dục, thể thao quốc gia, quốc tế, thu hút hàng chục nghìn vận động viên tham gia thi đấu. Thể thao thành tích cao đạt 235 Huy chương Vàng, 242 Huy chương Bạc và 386 Huy chương Đồng.

## **5. Về thực hiện chính sách an sinh xã hội**

### **5.1. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách xã hội**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa<sup>(26)</sup>; 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các đối tượng chính sách khó khăn được phụng dưỡng, giúp đỡ. Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng, người nghèo được quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh xây dựng, sửa chữa 2.633 căn nhà với tổng kinh phí 124,358 tỷ đồng; trong đó, có 770 căn nhà ở cho người có công cách mạng. Công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống

<sup>26)</sup> Thực hiện chính sách cho trên 40.000 đối tượng có công, trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng cho 9.513 đối tượng, kinh phí 18,913 tỷ đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng cho 572 người hoạt động kháng chiến, hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đầy, kinh phí 4,762 tỷ đồng/tháng. Thực hiện các chính sách đối với các đối tượng chính sách, thân nhân gia đình có công đúng quy định. Điều dưỡng tập trung và tại nhà đối với người có công và thân nhân cho 4.012 người, tổng số tiền 5,996 tỷ đồng.

tệ nạn xã hội, bình đẳng giới... tiếp tục được chú trọng. Hàng năm vào các dịp lễ, tết, đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng là người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa khoảng trên 30 tỷ đồng/năm.

### **5.2. Về lao động việc làm và đào tạo nghề**

Toàn tỉnh có 39 cơ sở đào tạo nghề<sup>27)</sup>, giảm 06 cơ sở so với năm 2015; hoạt động của cơ sở đào tạo cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề, số lượng ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu của thị trường; công tác đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng.

Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh có khoảng 192.000 lượt lao động được đào tạo nghề; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 51,6% năm 2015 lên 70% năm 2020 (NQ 70%); trong đó, lao động qua đào tạo cấp chứng chỉ đạt 55%. Công tác đào tạo nghề, nhất là nghề chất lượng cao, nghề trọng điểm từng bước được chú trọng, gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 29 - 30 nghìn lao động, có trên 600 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế đạt khoảng 794.520 lao động, tăng 78.520 lao động so với năm 2015; cơ cấu lao động: khu vực nông, lâm, thủy sản 65,2%; khu vực công nghiệp, xây dựng 8,2%; khu vực dịch vụ 26,6%.

### **5.3. Công tác giảm nghèo**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giao đất sản xuất, hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tiền điện,...đối với hộ nghèo, cận nghèo; sinh kế và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên qua từng năm.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 6,67% năm 2015 xuống còn 1,35% năm 2020, bình quân giai đoạn giảm 1,0%/năm; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 19,11% xuống còn khoảng 4,8%, bình quân giai đoạn giảm 2,9%.

Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo Đam Rông giảm từ 37,1% cuối năm 2015 xuống còn 7,2% vào cuối năm 2020, bình quân giai đoạn giảm 6%/năm; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 55,4% xuống còn 17,5%; bình quân giai đoạn giảm 7,6%. Trong 5 năm 2016 - 2020, bình quân mỗi năm có khoảng 3.100 hộ nghèo thoát nghèo; trong đó, có khoảng 1.800 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo.

<sup>27)</sup> Gồm: 08 trường dạy nghề (trong đó có 02 trường tư thục), 18 trung tâm (có 07 trung tâm tư thục), 09 doanh nghiệp tham gia dạy nghề, 01 trường Đại học đăng ký dạy nghề và 03 Trung tâm nông nghiệp tham gia đào tạo dưới 03 tháng.



## 6. Môi trường sinh thái và biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “*Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”. Tích cực thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, nhất là đối với Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang và Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng chuyên biến tích cực, độ che phủ rừng đạt chỉ tiêu đề ra.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch; tiếp tục thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải.

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình; thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái; khai thác và sử dụng tài nguyên hợp lý; thực hiện hoàn thổ, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý năm 2020 đạt 78%.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ sạt lở đất, đá; thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

## IV. Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế

Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng trên tất cả các lĩnh vực, tạo môi trường thuận lợi để hội nhập sâu, rộng, huy động nguồn lực phát triển và nâng cao vị thế của tỉnh. Các sự kiện văn hóa lớn của tỉnh đã được nhiều tổ chức quốc tế, đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam quan tâm tham gia, ủng hộ<sup>(28)</sup>. Ngoại giao nhân dân được đẩy mạnh<sup>(29)</sup>, quan tâm hỗ trợ doanh nhân, trí thức kiều bào về đầu tư và làm việc tại tỉnh.

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã có quan hệ với 07 địa phương, 15 tổ chức quốc tế và 40 tổ chức NGO thuộc 21 quốc gia và 02 vùng lãnh thổ<sup>(30)</sup>. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với 05 địa phương nước ngoài. Giai đoạn 2016 - 2020, vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài đạt 10 triệu USD, 17 tổ chức NGO hoạt động tại địa bàn.

<sup>28)</sup> Festival Hoa Đà Lạt năm 2017 đón 27 đoàn khách ngoại giao với 91 người (13 Đại sứ), Festival Hoa Đà Lạt năm 2019 đón 16 đoàn khách với 88 khách ngoại giao (1 Phu nhân Thủ tướng, 4 Đại sứ).

<sup>29)</sup> Thành lập 2 hội hữu nghị cấp tỉnh: Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia.

<sup>30)</sup> Giai đoạn 2016-2020 thiết lập quan hệ hữu nghị thêm với 2 địa phương Bolykhamxay - Lào, năm 2017, Occitanine - Pháp, năm 2019....

## **V. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH; SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ**

### **1. Công tác cải cách hành chính**

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến và đạt được kết quả rõ nét. Các sở, ngành, địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thường xuyên rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục không cần thiết, gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành 94 quyết định cập nhật, bổ sung các thủ tục hành chính theo quy định của cấp có thẩm quyền; có 1.898 thủ tục hành chính được công bố; trong đó, cấp tỉnh 1.438 thủ tục, cấp huyện 316 thủ tục và cấp xã 144 thủ tục.

Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và chỉ đạo củng cố, kiện toàn bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” được triển khai thực hiện tại 100% cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã. Thực hiện chuyển giao việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của nhiều thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công tại các sở, ngành, địa phương cho cơ quan bưu điện thực hiện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tính chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Kỷ cương, kỷ luật hành chính tiếp tục được tăng cường.

### **2. Sắp xếp bộ máy, tình giản biên chế**

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và các Kế hoạch số 48, 49-KH/TU của Tỉnh ủy (khóa X) thực hiện Nghị quyết. Thực hiện nghiêm các quy định về bổ nhiệm công chức, viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý và phương án sắp xếp số lượng cấp phó. Rà soát tổ chức, hoạt động của các hội đặc thù; cắt giảm số lượng, sắp xếp lại phòng, chi cục, các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 10 sở, ngành<sup>31)</sup>, giảm 24 phòng chuyên môn. Tiến hành hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 58 đơn vị<sup>32)</sup>.

Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về

<sup>31)</sup> Thanh tra tỉnh; Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường.

<sup>32)</sup> Giảm 32 đơn vị thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 16 đơn vị thuộc UBND cấp huyện, 10 đơn vị lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; toàn tỉnh đã cắt giảm 159 biên chế công chức và 520 người lao động; tinh giản 334 người<sup>(33)</sup>. Đến nay, nhiều đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí theo quy định của Chính phủ<sup>(34)</sup>.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH.14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng; thực hiện sắp xếp, sáp nhập 10 đơn vị hành chính cấp xã (09 xã và 01 thị trấn) thành 05 đơn vị hành chính cấp xã. Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ về sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình dưới tiêu chuẩn; đã sắp xếp, sáp nhập 318 thôn, tổ dân phố<sup>(35)</sup> để thành lập mới 153 thôn, tổ dân phố và đổi tên 12 thôn; đến nay, tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh 1.376, trong đó, 877 thôn và 499 tổ dân phố.

## **VI. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ**

Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh giải quyết 23.055 vụ án các loại trong tổng số 25.038 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 92%); tổ chức 375 phiên tòa lưu động góp phần tuyên truyền pháp luật, phòng chống tội phạm và nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp. Theo dõi và ra quyết định thi hành án hình sự thực hiện theo đúng quy định, thi hành án đối với 4.808 bị cáo bị kết án; xét giảm án cho 3.025 phạm nhân.

Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của pháp luật. Từ năm 2016 đến nay, các cơ quan quản lý hành chính các cấp và các tổ chức thanh tra đã tiếp nhận 22.737 đơn; trong đó, có 2.695 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đơn đã xử lý đạt tỷ lệ 98,4%. Các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài cơ bản được quan tâm giải quyết dứt điểm, hạn chế phát sinh điểm nóng.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 8/2020, thanh tra các cấp, các ngành đã ban hành kết luận và quyết định xử lý 968 cuộc (trong đó, có 847 cuộc theo kế hoạch và 121 cuộc thanh tra đột xuất); 4.517 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 144,5 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi 110,2 tỷ đồng, xử phạt vi phạm hành chính 28,6 tỷ đồng, xử lý khác 34,3 tỷ đồng; thu hồi đạt 86%. Hoạt động thanh tra đã phát hiện và kiến nghị khắc phục nhiều bất cập trong cơ chế, chính sách hiện hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

<sup>33)</sup> Trong đó, năm 2016 giảm 89 người, năm 2017 giảm 97 người, năm 2018 giảm 60 người, năm 2019 giảm 88 người.

<sup>34)</sup> Có 03 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên để chuyển sang loại hình công ty cổ phần; 20 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; có 57 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

<sup>35)</sup> Trong đó, có 178 thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% với 140 thôn, tổ dân phố liền kề có quy mô số hộ gia đình trên 50%.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*khoá XI và XII*) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hầu hết các cấp, ngành và địa phương đã xây dựng, triển khai các biện pháp thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng theo quy định thông qua công tác cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ, kê khai, công khai minh bạch tài sản, thu nhập,... tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh quan tâm, tích cực triển khai thực hiện với nhiều biện pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng cơ quan, đơn vị góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Từ năm 2016 đến nay, thông qua nhiều giải pháp tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định, toàn tỉnh đã thực hiện tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực (*lượng hóa bằng tiền*) 2.262 tỷ đồng<sup>36)</sup>.

Công tác quản lý, đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài được thực hiện nhanh chóng, đúng pháp luật. Hoạt động công chứng, chứng thực được thực hiện khá tốt, cơ bản đáp ứng yêu cầu của tổ chức và công dân. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh đã tiến hành trợ giúp pháp lý, tư vấn, giải đáp pháp luật trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai, khiếu nại, tố cáo, hôn nhân gia đình, bảo vệ và phát triển rừng, chế độ chính sách...

## VII. QUỐC PHÒNG, AN NINH

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Tiềm lực trong khu vực phòng thủ của tỉnh có nhiều chuyển biến rõ nét, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (*khoá XI*) về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*” và các chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của địa phương trong tình hình mới... Nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Khu vực phòng thủ, xây dựng Đề án Bảo đảm quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Từng bước thực hiện quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ, tập trung bố trí đất, kinh phí xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, căn cứ hậu cần kỹ thuật<sup>37)</sup>. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ cấp tỉnh và 12 huyện, thành phố; diễn tập chiến đấu phòng thủ 100% xã, thị trấn.

<sup>36)</sup> Năm 2016: 557 tỷ đồng, năm 2017: 364 tỷ đồng, năm 2018: 461 tỷ đồng và năm 2019: 879 tỷ đồng.

<sup>37)</sup> Cấp đất cho căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật huyện Lạc Dương, diện tích 6,5 ha; thao trường bắn huyện Đa Huoai, diện tích 20,4 ha; đầu tư xây dựng căn cứ Hậu cần - kỹ thuật tỉnh với kinh phí 71 tỷ đồng, căn cứ HC-KT huyện Lạc Dương 5,9 tỷ đồng; hỗ trợ làm thao trường, trường bắn tại thành phố Bảo Lộc kinh phí 2,3 tỷ đồng, huyện Đơn Dương kinh phí 2,870 tỷ đồng, huyện Cát Tiên 350 triệu đồng.

Triển khai hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, hoạt động của các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại địa phương<sup>(38)</sup>. Đặc biệt, đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm chủ động phát hiện, kịp thời ngăn chặn các hoạt động nhằm thành lập, công khai hóa tổ chức chính trị đối lập, “*xã hội dân sự*”, các hoạt động chống phá, gây rối, biểu tình của các thế lực thù địch, phản động tại địa phương.

Tổ chức thực hiện nhiều đợt ra quân tấn công trấn áp tội phạm, triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của các đối tượng hình sự, ma túy<sup>(39)</sup>. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn hoạt động sinh hoạt tôn giáo trái phép<sup>(40)</sup>. Phối hợp nắm tình hình, vận động quần chúng, tham mưu giải quyết các vụ việc khiếu kiện kéo dài, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép, di dân về làng cũ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số<sup>(41)</sup>. Tăng cường quản lý trật tự vận tải, giảm tai nạn giao thông đường bộ trên cả 3 mặt (*số vụ, số người chết và số người bị thương*).

## C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

### I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

#### 1. Những thành tựu đạt được

Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Có 17/17 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch<sup>(42)</sup>. Năng suất lao động, GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, cao hơn bình quân chung cả nước. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả khá tốt, các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước được tập trung thực hiện hoàn thành và đạt kết quả tích cực<sup>(43)</sup>.

Phát huy và khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, đất đai để phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc, tiếp

<sup>38)</sup> Bảo vệ tuyệt đối an toàn 90 đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước; 17 đoàn khách quốc tế đến địa phương. Đảm bảo ANTT các dịp Lễ, Tết và các sự kiện chính trị, các buổi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân định kỳ của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

<sup>39)</sup> So với cùng kỳ: tội phạm về trật tự xã hội giảm 3,8%, trọng án giảm 53,9%; tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 86,1%, trọng án khám phá đạt 100%.

<sup>40)</sup> Đấu tranh, ngăn chặn 67 vụ sinh hoạt tôn giáo trái phép (Công giáo: 09, Tin Lành: 10, Phật giáo: 12, Pháp luân công: 29, tôn giáo khác: 07).

<sup>41)</sup> Hiện nay trên toàn tỉnh còn 12 vụ (tranh chấp khiếu kiện liên quan đất đai 09 vụ và di dân về làng cũ 03 vụ).

<sup>42)</sup> Trong đó, 06 chỉ tiêu vượt kế hoạch, bao gồm: (1) GRDP bình quân đầu người, (2) tốc độ tăng thu ngân sách; (3) tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; (4) số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (5) tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; (6) Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân.

<sup>43)</sup> Hoàn thành công tác cổ phần hóa, sắp xếp lại và thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn. Cơ cấu chi ngân sách theo hướng giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng dân trái trong đầu tư, nợ công được kiểm soát, bảo đảm quy định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP giảm, các khu vực công nghiệp, dịch vụ tăng tương ứng. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu triển khai có hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu giảm, bảo đảm hoạt động ổn định và an toàn hệ thống.

tục khẳng định thế mạnh địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Công nghiệp tăng trưởng khá, phát triển một số sản phẩm mới như: bia, sợi len lông cừu, dược phẩm, cát nhân tạo... Tổ hợp Bauxit Nhôm hoạt động hiệu quả và vượt công suất thiết kế; nhiều công trình thủy điện đi vào hoạt động, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Du lịch tiếp tục phát triển và đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển theo định hướng trở thành ngành kinh tế động lực; việc mở các đường bay trong nước và quốc tế tạo điều kiện thuận lợi trong kết nối và phát triển thị trường khách du lịch; kim ngạch xuất khẩu và doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng trưởng khá, vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư và nâng cấp, tạo tiền đề và góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội: giao thông đối nội và đối ngoại được mở rộng; các công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương được ưu tiên đầu tư, nâng cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị của lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng hoàn thiện; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ. Giáo dục và đào tạo phát triển khá đồng đều giữa các vùng, đạt thành tích cao trong các cuộc thi cấp quốc gia và quốc tế; chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên. An sinh xã hội, công tác giảm nghèo và chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công được chú trọng. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới hoàn thành vượt mức mục tiêu đề ra.

Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, đạt được nhiều kết quả tích cực. Cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; hiệu lực và hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp từng bước được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm và giải quyết dứt điểm nhiều vụ khiếu nại phức tạp kéo dài.

## **2. Những hạn chế, yếu kém**

Kinh tế phát triển nhưng chưa thật sự ổn định và chưa bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu phát triển của tỉnh và trước yêu cầu hội nhập quốc tế. Triển khai Đề án tái cơ cấu kinh tế trên một số lĩnh vực chưa rõ nét. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp hạn chế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển chậm, quy mô còn nhỏ; khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp còn thấp. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản, việc thu gom và xử lý rác thải còn nhiều hạn chế. Công tác quy hoạch, quản lý theo quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và phát triển đô thị còn bất cập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

Một số công trình trọng điểm chưa triển khai hoặc triển khai chậm. Hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại chưa hoàn thiện; các đường quốc lộ nối tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ chưa được đầu tư đồng bộ, không theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

Ngành du lịch chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh; lượng khách tăng trưởng qua các năm nhưng tỷ lệ khách sử dụng sản phẩm chất lượng cao, khách quốc tế còn thấp; nguồn lực đầu tư cho du lịch chưa mạnh, nhiều dự án đầu tư du lịch kéo dài, chậm tiến độ, hiệu quả chưa cao, sản phẩm du lịch chất lượng cao còn ít, thiếu các sản phẩm du lịch mới lạ, hấp dẫn, các dịch vụ vui chơi giải trí về đêm, mùa mưa.

Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đồng bộ, còn có sự chênh lệch giữa đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống có biểu hiện đáng lo ngại, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi; khoa học và công nghệ chưa có bước phát triển đột phá, chưa thể hiện được vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; công tác đào tạo nghề chưa thật sự gắn kết với nhu cầu xã hội; mức độ xã hội hóa và thu hút đầu tư lĩnh vực y tế chưa mạnh, khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế chưa đều, thiếu cán bộ chuyên khoa sâu; kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn.

Tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết công việc đôi lúc chưa thật rõ ràng; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, tham nhũng vặt trong cơ quan hành chính, dịch vụ công vẫn còn diễn ra, gây bức xúc trong nhân dân và doanh nghiệp. Cải cách hành chính chuyển biến còn chậm, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Công tác thu hút đầu tư còn thiếu đột phá, chưa có nhiều dự án đầu tư lớn do những hạn chế, khó khăn về hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dư địa về đất đai để thu hút đầu tư không còn nhiều.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nguy cơ mất ổn định. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tội phạm ma túy có xu hướng gia tăng. Tình trạng dân di cư tự do còn diễn ra tương đối phức tạp, nguy cơ mất ổn định an ninh trật tự địa phương. Tai nạn giao thông và vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tuy giảm nhưng còn ở mức cao. Xuất hiện tội phạm băng nhóm có tổ chức; một số vụ khiếu kiện kéo dài chưa xử lý dứt điểm.

## **II. NGUYÊN NHÂN**

### **1. Nguyên nhân của thành tựu**

Chính quyền các cấp kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X thành các chương trình, kế hoạch cụ thể làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt, năng động, đổi mới sáng tạo, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; tổ chức bộ máy được củng cố, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường; đội ngũ cán bộ công chức viên chức có nhiều tiến bộ về phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, năng lực thực thi công vụ.

Khối Đại đoàn kết toàn dân được giữ vững và phát huy, niềm tin của Nhân dân được củng cố, tích cực sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn, quyết tâm vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng; tạo thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

### **2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm**

Tình hình trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn thiếu tính ổn định đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhiều dự án đầu tư liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp phải đình hoãn hoặc phải cơ cấu lại do chủ trương dừng chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên của Đảng và Nhà nước; doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ sản phẩm..., nên đã tác động đến giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và thu, chi ngân sách của tỉnh.

Khả năng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hạn hẹp, việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Chưa có biện pháp hữu hiệu để khắc phục một số hạn chế trong công tác quản lý thuế.

Công tác phối hợp, quản lý, điều hành của một số cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế; cải cách thủ tục hành chính tuy được cải thiện nhưng chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu của Nhân dân và doanh nghiệp. Ý thức, trách nhiệm trong thực thi công vụ và năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, chưa tận tâm, tận tụy với công việc.

## **III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

1. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; quan tâm công tác đối ngoại; tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương và sự ủng hộ bạn bè trong nước và quốc tế, tạo mối liên kết phát triển với các địa phương trong cả



nước, nhất là các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển; việc xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung, chọn lọc, tránh dàn trải và phải phù hợp với khả năng cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện. Trong chỉ đạo phát triển kinh tế, phải xác định được hướng đi đúng, bước đi thích hợp, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn và có các giải pháp đột phá để thực hiện.

3. Coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển; tăng trưởng phải đi liền với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát huy hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và vai trò khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư có chọn lọc; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ nhưng luôn chú trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân và gìn giữ, bảo vệ, cải thiện môi trường. Phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Quan tâm giải quyết tốt chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

4. Phải kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư. Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thường xuyên tổng kết thực tiễn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các cơ chế, chính sách mới cho phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích của nhân dân, tạo động lực phát triển.

5. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có phẩm chất, năng lực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có khát vọng, tâm huyết để nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính; đề cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm tra, giám sát; động viên, khen thưởng kịp thời.

### ***Phần thứ hai***

## **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Tình hình thế giới sẽ biến đổi rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Xung đột cục bộ giữa các nước tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp và gay gắt hơn. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình trong nước, sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để phát triển. Việt Nam tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Tuy nhiên nền kinh tế chưa phát triển bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức. Xu hướng già hóa dân số diễn ra nhanh. An ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, bệnh dịch... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Quá trình liên kết với các tỉnh Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, liên kết với các địa phương vùng Tây Nguyên còn gặp nhiều khó khăn do những bất lợi về giao thông, hạ tầng kỹ thuật. Cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được những yêu cầu cần thiết để thu hút nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế vẫn duy trì ở mức cao, thu ngân sách còn thấp so với các tỉnh lân cận.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển; tác động tích cực của quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo tiền đề vững chắc để phát triển; trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng nâng lên là điều kiện, động lực cho phát triển. Tuy nhiên, dự báo tình hình sẽ diễn biến phức tạp, tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức; kết cấu hạ tầng giao thông chậm được đầu tư, nâng cấp; kinh tế phát triển chưa bền vững, sức cạnh tranh thấp; những hạn chế, tồn tại trên các lĩnh vực nếu không có giải pháp khắc phục kịp thời sẽ là cản trở cho sự phát triển.

## **B. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động bộ máy nhà nước, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

## **C. MỤC TIÊU**

### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Tiếp tục phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, đưa Lâm Đồng trở thành

tỉnh phát triển khá của cả nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp, hướng đến ngành nông nghiệp toàn diện và hiện đại, là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế. Phát triển du lịch chất lượng cao; xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận thành trung tâm du lịch chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á, trung tâm giáo dục nghiên cứu, sáng tạo khoa học. Phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị - nông thôn; phát triển mạnh giáo dục giáo dục và khoa học kỹ thuật; nâng cao vai trò văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

## **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU, KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

### **1. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2025: Là tỉnh phát triển khá của cả nước.
- Đến năm 2030: Là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương.
- Đến năm 2045: Tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### ***2.1. Về phát triển kinh tế (theo đánh giá lại GRDP)***

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%; trong đó: khu vực nông lâm thủy tăng 4,5 - 5,0%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 11,0%; khu vực dịch vụ tăng 8,0 - 9,0%.

- Cơ cấu kinh tế: Đến năm 2025, khu vực nông lâm thủy chiếm tỷ lệ 35,0 - 36,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 22,0 - 23,5%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 42,0 - 43,5%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 khoảng 120 - 125 triệu đồng, (tương đương khoảng 5.148 đến 5.363 USD); tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 8,0 - 9,0%.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm chiếm khoảng 35 - 36% GRDP.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 11 - 12%; trong đó, thuế, phí tăng bình quân 12 - 14%; phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 14 - 15%, đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD.

- Lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú tăng bình quân 9%/năm; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú.

## **2.2. Về phát triển xã hội**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85,0 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng cấp, chứng chỉ chiếm 23,6%.

- Tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều<sup>(44)</sup> duy trì mức giảm 1,0 - 1,5% (*theo chuẩn giảm nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ*); trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,0 - 3,0%

- Số bác sĩ/vạn dân: 8,5 - 9 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân: 24 - 25 giường bệnh; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; 100% xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 khoảng 1,0%.

- Đến năm 2025, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; 82% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; có từ 82% trở lên trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 92% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 95% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa; 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 90% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới trước năm 2025; trong đó, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu từ 10 - 15%; Đơn Dương và Đạ Tẻh là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

## **2.3. Về môi trường**

- Đến năm 2025, có ít nhất 95% rác thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ hộ dân vùng đô thị sử dụng nước sạch đạt 80% trở lên; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

- Duy trì tỷ lệ độ che phủ của rừng trên 55%.

## **3. Các khâu đột phá**

Để đạt được phương hướng, mục tiêu nêu trên, cần tiếp tục kế thừa, bổ sung, phát triển các khâu đột phá của giai đoạn 2016 - 2020 để tập trung phấn đấu thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

(3.1.) Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước

<sup>44)</sup> Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng, trình duyệt chuẩn nghèo đa chiều tiếp cận nhiều tiêu chí hơn so với hiện nay.

các cấp và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử.

(3.2.) Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; nâng cao và tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(3.3.) Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh theo pháp luật, tạo bước đột phá mới trong phát triển kinh tế - xã hội, tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; phát triển du lịch chất lượng cao.

(3.4.) Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch, công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số,... gắn với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

#### **4. Các công trình trọng điểm**

- Tiếp tục triển khai đầu tư 08 công trình trọng điểm của giai đoạn 2016-2020, đó là: Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng; Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú; Khu Trung tâm Hòa Bình; Dự án cấp, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; Khu du lịch hồ Đại Ninh; hồ Đông Thanh; hồ Kazam.

- Đầu tư mới 09 công trình, dự án: Khu du lịch Hồ Prenn; Khu Công nghiệp Phú Bình; Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành phố thông minh; Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng<sup>45</sup>; Khu du lịch núi Sa Pung - Bảo Lộc; Xây dựng Khu đô thị Liên Khương - Prenn; Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, huyện Đức Trọng; hồ Ta Hoét; đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 (đoạn Phi Nôm - cầu K'Rông Nô), 27C, 28B, 55.

### **D. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

##### **1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn**

##### **1.1. Về nông nghiệp**

Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng đa ngành, bền vững, hiện đại có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao, trong đó tập trung đẩy

<sup>45</sup> Trong đó, có dự án Trung tâm giao dịch hoa Đà Lạt.

manh nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, thông minh; xây dựng tỉnh Lâm Đồng trở thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao của cả nước và vùng Tây Nguyên. Thực hiện có hiệu quả Dự án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp; xây dựng và phát triển vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường, xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ trong điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 25% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao; trong đó, có 600 ha ứng dụng công nghệ thông minh, 150.000 ha sản xuất an toàn và 2.000 ha nông nghiệp hữu cơ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu và hội nhập quốc tế; tiếp tục phát huy lợi thế các cây trồng có tính cạnh tranh cao; phát triển vùng được liệu; nghiên cứu ứng dụng và nhân rộng các quy trình canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh. Quy hoạch lại hệ thống nhà kính, nhà lưới gắn với phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện môi trường; thay thế việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, tự nhiên. Nghiên cứu, đẩy mạnh sản xuất giống: rau, hoa, dâu, trứng tằm,...nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất của địa phương, hạn chế nhập khẩu.

Tiếp tục phát triển ngành chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, tiếp tục khôi phục và phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung trên cơ sở phát triển các trang trại chăn nuôi công nghệ cao. Đến năm 2025, đàn lợn đạt 540.000 con; đàn gia cầm trên 10 triệu con; đàn bò đạt trên 129.000 con, trong đó bò sữa 27.000 con; sản lượng kén tằm đạt 15.000 tấn, sản lượng tơ 2.000 tấn. Nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp lên 15 - 20% năm 2025.

Đổi mới quan hệ sản xuất trên cơ sở thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản; ưu tiên khuyến khích thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh và chế biến nông sản. Cùng cố và nâng cao hiệu quả của các hợp tác xã nông nghiệp, có năng lực, trình độ quản trị và điều kiện tương xứng với sự phát triển của sản xuất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với các loại hình dịch vụ trong nông nghiệp. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 1.600 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 500 hợp tác xã nông nghiệp với tối thiểu 80% số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; trong đó, có khoảng 230 chuỗi liên kết với 35.000 hộ nông dân tham gia, diện tích đạt trên 55.000 ha, sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi chiếm 30% sản lượng nông sản chủ lực toàn tỉnh.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, đặc biệt là thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ

*điều từ đất lành*” để tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong và ngoài nước. Nâng cao năng lực dự báo thị trường nông sản, lập kế hoạch sản xuất sát với nhu cầu thị trường; đồng thời, thực hiện các giải pháp chủ động điều tiết nguồn cung nông sản (*bảo quản, chế biến...*) giảm thiểu rủi ro, phụ thuộc vào thị trường.

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp cơ bản đáp ứng các yêu cầu trong sản xuất, đặc biệt là hạ tầng thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, giao thông nội đồng. Đổi mới trong xây dựng và khai thác công trình để giảm chi phí đầu tư, nâng cao tuổi thọ công trình, giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tài nguyên. Thực hiện xã hội hóa hoạt động đầu tư, khai thác công trình thủy lợi, nước sạch để phục vụ tốt sản xuất và đời sống người dân nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ diện tích canh tác được tưới đạt 70%, diện tích tưới tiết kiệm 20%; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

### **1.2. Về lâm nghiệp**

Tập trung, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo Đề án ban hành tại Quyết định số 1836/QĐ-UBND, ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh; ngăn chặn, hạn chế thấp nhất hoặc giảm thiểu tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; khôi phục rừng trên đất bị lấn chiếm thông qua việc huy động sự vào cuộc của toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý bảo vệ rừng. Tiếp tục thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng; trồng rừng mật độ thấp trên diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; trồng cây phân tán, cây che bóng...tăng độ che phủ, nâng cao giá trị môi trường rừng. Chú trọng phát triển thêm các giống cây lâm nghiệp mới có giá trị kinh tế cao đưa vào trồng rừng sản xuất gắn với phát triển chế biến lâm sản và khai thác có hiệu quả lâm sản phụ, được liệu dưới tán rừng. Trong cả giai đoạn, phấn đấu trồng 7.000 ha rừng, 250.000 cây phân tán; hàng năm giảm 10% số vụ vi phạm; diện tích rừng, khối lượng lâm sản thiệt hại giảm ít nhất 10%, trong đó số vụ vi phạm vắng chủ giảm xuống dưới 30%.

### **1.3. Về thủy sản**

Đẩy mạnh các hoạt động nuôi trồng thủy sản, nhất là các giống thủy sản đặc sản, cá nước lạnh theo hướng hàng hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng ao, hồ, đập,... Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 khoảng 2.800 ha, sản lượng khoảng 12.000 tấn; trong đó, cá nước lạnh khoảng 2.000 tấn.

### **1.4. Xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phát huy vai trò chủ thể của người dân; huy động hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết

cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực nông thôn. Thí điểm xây dựng mô hình “*Làng đô thị xanh*” tại các khu dân cư nông thôn có điều kiện thuận lợi. Lồng ghép với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến trước năm 2025, Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh Nông thôn mới; trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có từ 10 - 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Đơn Dương và Đà Tẻ là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn.

## **2. Về công nghiệp - xây dựng**

### ***2.1. Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Phát triển công nghiệp có chọn lọc, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp, nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp chế biến sâu; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp;... với trình độ công nghệ cao, khai thác được thế mạnh nguồn nguyên liệu sẵn có, góp phần thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp địa phương, tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống và làng nghề mới; khôi phục phát triển công nghiệp ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu, nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, dệt thổ cẩm, đan lát,... phục vụ du lịch. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp lợi thế như: chế biến trà, cà phê, sữa, tơ tằm, nhôm, nhôm, công nghiệp phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến,... Hoàn thiện quy hoạch, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư; nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp (*Khu công nghiệp Lộc Sơn 100% và các cụm công nghiệp khoảng 70%*). Triển khai xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bình và Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú. Đẩy mạnh thu hút đầu tư ngành công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gia tăng giá trị nông sản.

Phân đầu giá trị sản xuất bình quân 5 năm tăng 11,5 - 12%. Tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 65% cơ cấu ngành công nghiệp; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện chiếm 28%.

### ***2.2. Xây dựng***

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong tỉnh. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường. Tiếp tục đầu tư, mở rộng không gian đô thị Đà Lạt đáp ứng các tiêu chí của thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị sinh



thái, đô thị cảnh quan, hiền hòa - thanh lịch - mến khách, là trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch chất lượng cao của tỉnh; thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại 2, là đô thị hạt nhân phía Nam tỉnh Lâm Đồng. Tập trung đầu tư chỉnh trang, nâng cấp các đô thị hiện có trên địa bàn. Xúc tiến, kêu gọi đầu tư Khu đô thị Liên Khương - Prenn trở thành đô thị có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, năng động, sầm uất nhằm kéo giãn dân số và du khách về phía Nam, giảm áp lực cho thành phố Đà Lạt. Phát triển huyện Đức Trọng đáp ứng tiêu chí đô thị loại 3 và trở thành thị xã thuộc tỉnh; thị trấn Di Linh, Thạnh Mỹ trở thành đô thị loại 4. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường nội thị, cải tạo chỉnh trang các nút giao thông chống ùn tắc, bảo đảm lưu thông. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị, bảo đảm phát triển bền vững, đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất.

Tiếp tục quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị mới tại trung tâm các huyện lỵ, khu trung tâm các xã, thị trấn. Tăng cường công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch. Rà soát, ban hành các quy định mới về quản lý đô thị trên các lĩnh vực quản lý kiến trúc, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, bảo vệ môi trường, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức xây dựng và quản lý đô thị. Tăng cường các nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị. Tập trung đầu tư, nâng cao năng lực thu gom, xử lý rác thải, nhất là rác thải rắn tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các đô thị trong tỉnh. Tăng cường các nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đô thị các cấp. Xây dựng nếp sống văn minh đô thị hiện đại.

### **3. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch**

#### **3.1. Thương mại, xuất nhập khẩu**

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; thu hút đầu tư trung tâm thương mại cao cấp và phát triển hỗn hợp cấp vùng tại thành phố Đà Lạt (*Trung tâm Thương mại Hòa Bình*), thành phố Bảo Lộc (*Trung tâm thương mại tại chợ cũ Bảo Lộc, Khu đô thị mới, Trung tâm thương mại B'Lao*) và các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, hiện đại tại các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích xã hội hóa các chợ hạng 1, hạng 2; cải tạo, xây dựng và phát triển các chợ truyền thống; chợ đầu mối nông sản. Tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường, chú trọng thị trường nội địa. Đẩy mạnh việc hình thành các chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 12%/năm.

Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng qua chế biến có lợi thế về

nguyên liệu của địa phương. Chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD, tăng bình quân 15%/năm.

Ưu tiên nhập khẩu thiết bị công nghệ mới, hiện đại; hạn chế nhập khẩu hàng hoá vật tư, thiết bị cũng như hàng tiêu dùng mà trong nước có thể sản xuất. Đến năm 2025, giá trị nhập khẩu đạt 365 triệu USD, tăng bình quân 8%/năm. Ưu tiên, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển những ngành, lĩnh vực có lợi thế, hiệu quả. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số.

### **3.2. Du lịch, dịch vụ**

Tiếp tục khai thác, phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan, môi trường để mở rộng không gian du lịch theo quy hoạch, phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, khẳng định thương hiệu, khả năng cạnh tranh và thật sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh; xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á, hướng tới phát triển du lịch thông minh. Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch mới lạ, hấp dẫn; tiếp tục phát triển mạnh các loại hình du lịch đặc trưng mang thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng và các sản phẩm đặc thù từng địa phương gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn, tôn tạo kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên.

Tăng cường công tác xúc tiến, đẩy mạnh kết nối du lịch trong nước và quốc tế; khuyến khích xây dựng các khu vui chơi, giải trí lớn, hiện đại, các nhà hàng, khách sạn cao cấp,... nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch gắn với phát triển kinh tế về đêm. Xây dựng các tour, tuyến du lịch trên địa bàn trong quan hệ hợp tác liên tỉnh, liên vùng và quốc tế.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch chất lượng cao, ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch theo hướng chất lượng cao, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ du lịch mới lạ, hấp dẫn nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật số trong quản lý, kết nối các dịch vụ du lịch, du khách. Phát triển đội ngũ quản lý và hướng dẫn viên có tính chuyên nghiệp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng hàng năm về khách du lịch qua đăng ký lưu trú đạt 9%; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như du lịch, bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông sản; phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao và khả năng cạnh tranh, như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông; tư vấn, phát triển thị trường bất động sản.

### **4. Về giao thông vận tải**

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại; nâng

cao chất lượng vận tải đường bộ, đường hàng không; tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics; tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải. Tăng cường phát triển vận tải hành khách công cộng để hạn chế phương tiện cá nhân. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá,... để mở đường bay quốc tế đến Cảng hàng không Liên Khương từ các nước Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước khác trong khu vực. Tiếp tục duy trì các đường bay nội địa hiện có và mở thêm một số đường bay mới từ Liên Khương đi các tỉnh, thành phố và ngược lại.

## **5. Về tài chính, tín dụng**

### **5.1. Tài chính**

Phần đầu tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm đạt trên 63.000 - 64.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng từ 10 - 11% GRDP; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn đạt 11 - 12%/năm; trong đó, thu từ thuế, phí chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng thu ngân sách nhà nước; tốc độ tăng thu thuế, phí bình quân đạt từ 12 - 14%/năm.

Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh kiểm tra. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 62-CTr/TU, ngày 23/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phần đầu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên; tập trung rà soát, cắt giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, phần đầu đến hết năm 2025 chi đầu tư phát triển đạt tỷ lệ 30% trong tổng chi cân đối ngân sách; quản lý chặt chẽ nợ công.

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi hợp lý để tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh, tăng tỷ lệ tự chủ của ngân sách cấp huyện, xã. Đổi mới mạnh mẽ tài chính khu vực sự nghiệp công lập, giảm dần số cấp từ ngân sách, tăng số lượng đơn vị tự chủ tài chính nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện quản lý.

### **5.2. Ngân hàng**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu lĩnh vực tín dụng, sắp xếp, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục xử lý nợ xấu, nhất là các tổ chức tín dụng yếu kém; tăng cường thanh tra, giám sát; xử lý nghiêm các vi phạm.

Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, mở rộng và đẩy mạnh thanh toán điện tử nhất là trong lĩnh vực dịch vụ hành chính công như thuế, điện nước, học phí...; Tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp; gắn tăng trưởng tín dụng với kiểm soát chặt chẽ chất

lượng và hiệu quả hoạt động cho vay; thực hiện tốt các giải pháp góp phần thực hiện chính sách tiền tệ, kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Phát triển mạnh các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử, mở rộng các hình thức thanh toán quốc tế.

## **6. Lĩnh vực quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư**

### **6.1. Quy hoạch**

Tiếp tục triển khai Luật quy hoạch, lập và phê duyệt quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045; nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, tăng cường tham vấn ý kiến các chuyên gia trong và ngoài nước để xác định tầm nhìn chiến lược dài hạn; rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch làm cơ sở thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội. Đẩy nhanh tiến độ lập và phê duyệt các quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, phân đấu đến năm 2025 tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 100%. Bảo đảm thống nhất, liên kết với quy hoạch tỉnh và Quyết định số 1848/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 704/QĐ-TTg, ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để tạo ra sức mạnh chung của nền kinh tế. Phát triển mạnh đô thị, liên kết đô thị với nông thôn, tạo động lực cho các vùng; xây dựng đô thị hiện đại, văn minh theo hướng đô thị thông minh.

### **6.2. Đầu tư và thu hút đầu tư**

#### **a) Về đầu tư kết cấu hạ tầng**

Tập trung xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng gắn với quy hoạch phát triển vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Duyên hải Nam Trung bộ. Huy động tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo các hình thức đối tác công tư (PPP, BT, BTO,...) để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ: giao thông, đô thị, năng lượng, thủy lợi... gắn với quy hoạch phát triển vùng tỉnh và huyện; bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, Internet..., tạo cơ sở cho bước chuyển sang nền kinh tế số, hiện đại. Thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống đường vành đai các đô thị lớn. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng các lĩnh vực văn hóa - xã hội, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tranh thủ nguồn vốn Trung ương đầu tư giao thông đối ngoại, dự án có quy mô lớn, có tính liên kết vùng như: Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; các Quốc lộ:

27 (đoạn Phi Nôm - câu K'Rông Nô), 27C, 28, 28B, 55; đường vành đai, đường tránh đô thị thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; nâng cấp sân bay Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E; Hồ thủy lợi Ta Hoét, Đông Thanh, Kazam và một số hồ, đập khác tăng thêm năng lực tưới, điều hòa và chống hạn; triển khai đề án chống ùn tắc giao thông tại các đô thị.

Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện các dự án, công trình theo đúng tiến độ. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư công.

#### *b) Về thu hút đầu tư*

Kiên trì thực hiện đồng bộ các biện pháp cải thiện căn bản môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phấn đấu đưa tỉnh Lâm Đồng đứng vào nhóm các tỉnh, thành phố trong cả nước có chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và nhóm 20 tỉnh có chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tốt nhất vào năm 2025. Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là về giải phóng mặt bằng, giao đất, thuế, hải quan... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện, đồng bộ trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch, thủ tục hành chính và chính sách thu hút đầu tư.

Tiếp tục cơ cấu lại các dự án đầu tư đã được Quyết định chủ trương đầu tư; thực hiện các biện pháp đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn có tầm ảnh hưởng rộng. Kiên quyết chấm dứt hoạt động, thu hồi đất đối với các dự án không có khả năng triển khai, các dự án lập thủ tục để giữ đất, các dự án vi phạm pháp luật về Đầu tư, Đất đai, Lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Tiếp tục xây dựng, rà soát danh mục và cơ cấu lại các dự án thu hút đầu tư đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đổi mới, chủ động, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm triển khai dự án. Ưu tiên nhà đầu tư thực hiện dự án trong lĩnh vực thế mạnh của tỉnh là nông nghiệp và du lịch, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án khu đô thị mới, khu dân cư; các ngành công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, các lĩnh vực xã hội hóa giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

### **7. Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; tích cực, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung xây dựng, triển khai thực hiện đề án tăng cường quản lý bảo vệ rừng, chống xâm hại rừng và khôi phục diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; duy trì độ che phủ rừng và diện tích rừng theo quy hoạch.

Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường, nhất là môi trường rừng; chọn lọc tiêu chuẩn kỹ thuật, kiên quyết loại trừ công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư, nâng cao năng lực thu gom, xử lý rác thải, nhất là rác thải rắn tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các đô thị. Kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, chuyên môn về xử lý rác thải đầu tư vào địa phương.

Đẩy mạnh điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất, nước và các nguồn tài nguyên. Nâng cao năng lực giám sát về môi trường và biến đổi khí hậu, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường. Huy động nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (*bảo đảm an toàn các hồ, đập chứa nước, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng...*). Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

## **8. Về phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể**

### **8.1. Về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân**

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách trợ giúp phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao sức cạnh tranh; tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh và cống hiến cho xã hội. Phấn đấu mỗi năm có trên 1.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đến năm 2025 có khoảng 15.000 doanh nghiệp.

### **8.2. Về phát triển kinh tế tập thể**

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; dân chủ, bình đẳng, công khai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi. Chú trọng phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, hình thành các chuỗi giá trị trong nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; với mô hình “*Doanh nghiệp là nòng cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể*”. Chú trọng phát triển các mô hình liên kết để tạo sự bứt phá mang lại hiệu quả cao giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân gắn với nâng cao trình độ quản trị, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ cao. Phát triển tổ hợp tác với nhiều hình thức phù hợp. Thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết giữa các hợp tác xã và các thành phần kinh tế

khác. Phấn đấu đến năm 2025, có 05 Liên hiệp hợp tác xã và 550 hợp tác xã<sup>(46)</sup>; trong đó, có 375 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; thu nhập bình quân của 01 lao động thường xuyên tăng từ 10 - 15%/năm.

## **II. PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI**

### **1. Về phát triển giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

#### **1.1. Về giáo dục và đào tạo**

Phấn đấu xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành, đạt chuẩn quốc tế. Phấn đấu xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành một trong những trung tâm giáo dục quốc gia và quốc tế.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết. Hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học; đầu tư chuẩn hóa về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy; quan tâm phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa để giảm dần khoảng cách về chất lượng giáo dục<sup>(47)</sup>. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực quốc tế đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục rà soát quy hoạch, sắp xếp hệ thống giáo dục gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

#### **1.2. Về phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đa dạng hóa các loại hình đào tạo; tiếp tục hợp tác với các viện nghiên cứu và trường đại học có uy tín để ưu tiên đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, nhất là đối với những ngành, nghề có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới việc đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức và có chính sách đãi ngộ nhằm

<sup>46)</sup> Tăng 150 hợp tác xã so với năm 2020, tổng vốn điều lệ đạt 800 tỷ đồng; doanh thu bình quân khoảng 21 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 300 triệu đồng/năm.

<sup>47)</sup> Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường ở các bậc học: nhà trẻ là 20%, mẫu giáo là 95% (trong đó mầm non 5 tuổi là 100%), tiểu học là 100%; trung học cơ sở 97 % và trung học phổ thông là 70%; có 9,5% học sinh dân tộc thiểu số đang học ở bậc trung học được nội trú; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 97%; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia duy trì trên 82%. Các chỉ tiêu về phổ cập giáo dục: duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập THCS mức độ 2, phấn đấu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

phát hiện, thu hút những người có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực tham gia vào hoạt động công vụ. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

## **2. Về khoa học và công nghệ**

Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ, tập trung phát triển một số ngành khoa học mũi nhọn, có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm năng, điều kiện của tỉnh; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, chú trọng bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chủ động tiếp cận triển khai các chương trình, dự án khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khuyến khích thành lập doanh nghiệp khoa học, công nghệ; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, cá nhân trong tỉnh với các đối tác nước ngoài. Nghiên cứu, từng bước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị, các lực lượng khoa học theo hướng liên kết chặt chẽ khoa học với giáo dục, đào tạo và các hoạt động thực tiễn. Đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động sở hữu trí tuệ,...

## **3. Về y tế**

Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới y tế; nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện; đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Mở rộng mạng lưới khám chữa bệnh y học cổ truyền, các bệnh viện chuyên khoa; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế, thực hiện các hoạt động y tế chuyên sâu, đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng cao, kỹ thuật cao. Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng thành bệnh viện khu vực có khả năng thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Phấn đấu đến năm 2025, có 8,5 - 9 bác sỹ/vạn dân, có 24 - 25 giường bệnh/vạn dân.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh dịch, các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm; củng cố và nâng cao năng lực kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm theo chuẩn quốc gia; thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

Bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ phòng bệnh, chữa bệnh; phát triển vùng dược liệu, phấn đấu đưa Lâm Đồng trở thành một trong những trung tâm dược liệu lớn trong nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư để huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế gần



với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế và đảm bảo chất lượng dịch vụ; phân đầu tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%.

#### **4. Về văn hóa, thể dục và thể thao**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 89-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*; khơi dậy khát vọng của người dân và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh; củng cố và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đưa phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa ở các khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, gắn việc phát huy các giá trị văn hóa với phát triển du lịch.

Huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao cấp quốc gia tại thành phố Đà Lạt, Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao tỉnh,... Tiếp tục phát triển phong trào thể thao quần chúng, từng bước hiện đại và chuyên nghiệp hoá về thể thao thành tích cao; tập trung vào các môn, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh. Tăng cường đào tạo đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên nòng cốt đảm bảo chất lượng để tham gia vào các đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia.

#### **5. Về thông tin, truyền thông**

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin, truyền thông. Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đổi mới hệ thống quản lý, khai thác; đầu tư phát triển hạ tầng với trang thiết bị, công nghệ hiện đại và cung cấp, phát triển các dịch mới, dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố thông minh, thân thiện và đáng sống. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm kết nối thuận lợi, thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản; bảo đảm phát triển và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp quản lý và phát triển các loại hình thông tin trên mạng Internet.

#### **6. Về an sinh xã hội.**

##### **6.1. Về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách xã hội**

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có

công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đẩy mạnh xã hội hóa toàn dân chăm lo cho các đối tượng chính sách và người nghèo. Đa dạng hóa và đổi mới phân bổ nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích, bảo đảm mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.

### **6.2. Về lao động việc làm và đào tạo nghề**

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng thị trường lao động linh hoạt, gắn đào tạo với sử dụng; tập trung giải quyết việc làm bền vững, đặc biệt là việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình, đề án, dự án về dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu thị trường; đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo 86,5%; trong đó, đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 23,6%. Tỷ lệ thất nghiệp lao động dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.

### **6.3. Về công tác giảm nghèo**

Tiếp tục thực hiện tốt các định hướng giảm nghèo của Trung ương; ưu tiên nguồn lực thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho các hộ nghèo; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo có nhà ở, có sinh kế, phương tiện để sản xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn công tác khuyến công, khuyến nông để vươn lên thoát nghèo và không tái nghèo. Thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực xã hội và lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo vào các chương trình có cùng mục tiêu để đem lại hiệu quả cao và bền vững. Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ để các hộ nghèo, cận nghèo và các thôn nghèo thoát nghèo bền vững. Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 1,0 - 1,5%; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2,0 - 3,0% (theo tiêu chí mới).

## **7. Về thực hiện chính sách dân tộc**

Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển vùng đồng

bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 -2025, định hướng đến năm 2030. Từng bước đầu tư mới, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa,...vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt các vấn đề về dân di cư tự do, thiếu đất ở, đất sản xuất của người dân tộc thiểu số. Chú trọng việc bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Quy hoạch khôi phục các buôn, làng theo tập quán của từng dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú đặc trưng của các dân tộc.

### **III. VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về những thuận lợi, thách thức trong hội nhập quốc tế; tăng cường quan hệ đối ngoại với các cơ quan đại diện các nước, tổ chức quốc tế, vận động kiều bào về đầu tư tại địa phương.

Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hoá và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương. Tiếp tục tăng cường quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế với các địa phương của các nước phát triển, các cơ quan đại diện các nước và tổ chức quốc tế tại Việt Nam; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, đẩy mạnh thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

### **IV. VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, cơ cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) và Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI). Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các ban, ngành; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhận nhiều việc, nhưng một

việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; một cơ quan chỉ có một cơ quan cấp trên trực tiếp; đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII).

Đẩy mạnh việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, thực thi công vụ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, tạo sự đồng thuận đối với người nhân dân, doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực, đạo đức lối sống trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Củng cố hoạt động Trung tâm hành chính công; xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động dự báo để giải quyết tốt các vụ việc khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh “điểm nóng” về khiếu kiện phức tạp. Tiếp tục đổi mới hoạt động của các cơ quan thanh tra theo hướng tăng cường công tác thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và trong chấp hành chế độ công vụ; kịp thời phát hiện, kiến nghị chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế, sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhất là tham nhũng vặt, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong giải quyết thủ tục hành chính và các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cấp, mỗi ngành. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách nhằm huy động sức mạnh nhân dân trong việc tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí.

## V. VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ An ninh Quốc gia. Củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình,

bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và phòng chống ma túy; chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chiến lược cải cách tư pháp. củng cố, kiện toàn công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tập trung xử lý, giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay tại cơ sở, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thời hạn theo quy định; xử lý, giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, vụ án tồn đọng, kéo dài,...không để kẻ xấu lợi dụng, kích động chống phá. Đấu tranh với các loại tội phạm, rà soát, phát hiện, phân loại và quản lý các đối tượng hình sự; kiên quyết không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí và chống ùn tắc giao thông tại các đô thị. Tăng cường quản lý, bảo đảm công tác phòng cháy, chữa cháy; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

## **VI. ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA**

Thường xuyên phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước bằng nhiều nội dung, hình thức phù hợp, thiết thực; gắn với công tác cải cách hành chính, giải quyết hồ sơ thủ tục cho người dân doanh nghiệp, hiệu quả thực thi công vụ, đổi mới sáng tạo. Kịp thời phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra./.

### Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng,
- Các ban Đảng của Trung ương,
- Văn phòng TW Đảng,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**

*Đã ký*

**Trần Đức Quận**